

Sa Lông; ngày 20 tháng 09 năm 2024

**KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYÊN ĐỔI SỐ
VÀ ĐỀ ÁN 06 NĂM HỌC 2024 - 2025**

Thực hiện Công văn số 2195/SGDDĐT-QLCL ngày 14/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin, chuyên đổi số và Đề án 06 năm học 2024-2025;

Thực hiện Văn bản số 849/PGDDĐT-TCCB ngày 18/9/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin, chuyên đổi số và Đề án 06 năm học 2024-2025;

Căn cứ điều kiện thực tế về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng mạng Trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông xây dựng kế hoạch chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và nghiên cứu khoa học (NCKH) năm học 2024 - 2025 với các nội dung cơ bản sau.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Tình hình đăng kí đầu năm.

ST	Họ tên GV	Dạy lớp/ Môn	Đăng kí đầu năm		
			Máy tính: (có)	Trình độ tin học A/B/C	Sử dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử.
1	Lê Xuân Vỹ	HT	có	B	có
2	Nguyễn Thị Thanh	PHT	có	B	có
3	Đỗ Thị Phương	PHT	có	TT03	có
4	Lò Thị Huyền	1A1	có	TT03	có
5	Vũ Thị Hương	1A2	có	TT03	có
6	Vàng A Tổng	Tiếng DT	có	B	có

7	Lò Thị Phương Thảo	5A4	có	TT03	có
8	Bùi Thị Huyền	4A2	có	A	có
9	Bùi Văn Tâm	3A3	có	B	có
10	Lường Thị Thanh	4A1	có	TT03	có
11	Lý Thị Cầu	5A1	có	TT03	có
12	Lò Thị Thanh	1+2TP	có	B	có
13	Bùi Thị Thắm	2A2	có	A	có
14	Hạng Thị Câu	TS	có	TT03	có
15	Điêu Thị Thảo	1+2CL	có	A	có
16	Nguyễn Văn Thọ	4A1	có	TT03	có
17	Cầm Thị Hoa	3A2	có	B	có
18	Lý A Di	2A1	có	B	có
19	Mai Thị Chuyên	1.36A	có	TT03	có
20	Trần Thị Dần	3A1	có	B	có
21	Khoàng Thị Hiền	1+2.36B	có	TT03	có
22	Nguyễn Thị Hảo	5A3	có	TT03	có
23	Đào Quốc Vương	5A2	có	TT03	có
24	Hồ A Chia	2.36A	có	TT03	có
25	Phạm Thị Hải Yến	TPTĐ	có	ĐHTH	có
26	Phạm Thị Thắm	Âm nhạc	có	TT03	có
27	Lò Thị Bích Phượng	Tiếng Anh	có	B	có
28	Nguyễn Hải Đăng	Thể dục	có	B	có
29	Hoàng Thị Duyên	Mĩ thuật	có	B	có
30	Lò Văn Tỷ	Thể dục	có	TT03	có
31	Lý A Dính	Tin học	có	B	có
32	Trang Thị Minh	Dạy kê	có	A	có
33	Lường Văn Biên	Tiếng Anh	có	A	có
34	Lò Thị Hằng	Mĩ thuật	có	TT03	có
35	Nguyễn Thu Trang	Y tế	có	B	có

36	Kháng A Lữ	Bảo vệ			
37	Đình Xuân Tiến	Bảo vệ			
38	Trần Thi Lựu	Kế toán	có	TT03	có

1. Thuận lợi:

- Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường đa số là giáo viên trẻ, năng động, có ý thức, tâm huyết với nghề, có trách nhiệm với học sinh, có trình độ tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu của việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy (soạn, dạy bằng phần mềm PowerPoint...).

- Nhà trường có 19 lớp với 491 Học sinh. Có 38 CBGV - NV đều có khả năng sử dụng tin học trong công việc và giảng dạy, trong đó:

+ Đại học tin: $2/38$ đ/c = 5,3% + Chứng chỉ TT03: $36/38 = 94,7\%$

+ Một giáo viên chuyên ngành tin học.

+ $2/38$ chưa qua đào tạo.

- $36/38$ Đ/c = 94,7% cán bộ giáo viên, nhân viên có máy tính tại nhà, máy tính xách tay để làm việc.

- 94,7% cán bộ giáo viên, nhân viên có máy tính được kết nối Internet.

- $31/31 = 100\%$ cán bộ giáo viên đăng kí soạn giáo án bằng máy tính.

- Nhà trường có 09 máy chiếu, có 1 phòng máy.

- 100% máy tính của các phòng làm việc của BGH, công đoàn đều được nối mạng Internet.

2. Khó khăn:

- Số lớp đông song máy chiếu mới chỉ có 9 chiếc, máy tính để phục vụ công tác giảng dạy còn hạn chế.

- Nhà trường có số học sinh đông, không có nhà tập đa năng nên có nhiều kế hoạch hoạt động tập thể có sử dụng máy chiếu không thực hiện được.

- Học sinh là con em dân tộc sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn không có điều kiện tiếp cận và sử dụng máy tính cũng như tra cứu thông tin trên Internet.

II. MỤC ĐÍCH:

1. Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên. Nhân viên trong trường về vai trò của CNTT trong tổ chức, điều hành, thực hiện các hoạt động giáo dục, trong dạy và học của nhà trường.

2. Từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả việc ứng dụng CNTT, khai thác hiệu quả Website riêng và trang thông tin điện tử của nhà trường trong thông tin báo cáo, trong tổ chức, điều hành các hoạt động tập thể, trong triển khai các công việc của nhà trường tới giáo viên, nhân viên, tới học sinh và phụ huynh học sinh.

3. Tạo được sự liên lạc nhanh chóng, thường xuyên tới Cán bộ Giáo viên Nhân viên trong nhà trường.

4. Góp phần tích cực trong đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra đánh giá...

III. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1905/KH-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 832/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin ngành GDĐT tỉnh Điện Biên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện Mường Chà về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 08/7/2022 của UBND huyện Mường Chà về việc thực hiện Đề án chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Mường Chà;

2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Văn bản số 356/PGDDĐT-CNTT ngày 09/5/2022 của Phòng GD&ĐT về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030; Kế hoạch của Phòng GD&ĐT: số 428/KH-PGDĐT ngày 05/5/2022 về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng

yêu cầu chuyển đổi số ngành Giáo dục, giai đoạn 2022-2025.

3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; tiếp tục xây kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: hồ sơ số sách điện tử, học bạ điện tử, bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện.

4. Xây dựng nền tảng chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục.

5. Rà soát, chuẩn hoá các hệ thống phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý, dạy và học trong toàn ngành để tránh lạm dụng, triển khai chồng chéo, trùng lặp, gây lãng phí, khai thác kém hiệu quả, mất nhiều công sức của các nhà trường khi vận hành sử dụng; nghiên cứu triển khai thống nhất, tích hợp đồng bộ các hệ thống theo khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh, sẵn sàng kết nối liên thông, tích hợp với các hệ thống cơ sở dữ liệu khác theo yêu cầu.

6. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục; trong đó tập trung vào dịch vụ xét duyệt chế độ học sinh bán trú, trẻ khuyết tật, học sinh ít người, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, công nhận xã/phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục – xóa mù chữ;...

7. Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó đẩy mạnh hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

8. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT đảm bảo tiếp cận và làm chủ công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và hội nhập; nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

9. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu trong toàn ngành.

10. Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Chuyên đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Duy trì và sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh (và cha mẹ học sinh) và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

b) Triển khai xây dựng phần mềm kho học liệu số tại đơn vị nhà trường theo hướng đồng bộ, liên thông. Kho học liệu số bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của ngành, của Bộ GDĐT trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

c) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính (cần xác định các bước thực hiện một cách phù hợp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả).

d) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, kỹ năng đảm bảo an toàn an ninh thông tin...

đ) Rà soát, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính dạy môn Tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản (mức độ 2 theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022) phục vụ dạy môn Tin học: Tối đa 2-3 học sinh học chung 1 máy tính ở cấp Tiểu học. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động

chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học.

e) Triển khai hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

f) Triển khai đồng bộ giải pháp phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục đồng bộ từ Sở GD&ĐT, phòng GDĐT đến các đơn vị trường học trên toàn huyện. Phần mềm phải được liên thông và khai thác cơ sở dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT, của tỉnh.

g) Ưu tiên kinh phí, nhân lực, hạ tầng để triển khai phòng học thông minh tại các nhà trường đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất và nhân lực vận hành, khai thác sử dụng.

2. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Tiếp tục duy trì, triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục tới 100% trường học, tối thiểu triển khai các phân hệ: Hồ sơ giáo dục, quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, quản lý kế toán; đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; tích hợp đăng nhập xác thực bằng tài khoản định danh điện tử cho cán bộ giáo viên trên ứng dụng VNeID của Bộ Công an.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử như: Hồ sơ giáo dục, sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử (trong đó học bạ điện tử phải thực hiện tại tất cả các cơ sở giáo dục từ năm học 2024-2025), chữ ký số điện tử; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của cơ sở giáo dục.

c) Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu GDĐT trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GDĐT; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và học sinh; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục của Bộ và của tỉnh theo từng kỳ học.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông cấp Trường, Phòng (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục; Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

d) Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý, tra cứu văn bằng chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ:

a) Dịch vụ trực tuyến về lĩnh vực giáo dục và Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình.

b) Đẩy mạnh thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu theo phương thức không dùng tiền mặt thông qua giải pháp phần mềm quản lý thống nhất trong toàn ngành. Ưu tiên sử dụng các hình thức thanh toán trực tuyến; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

4. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai kịp thời, có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Bộ GDĐT, UBND tỉnh UBND huyện và phòng

GDĐT đến toàn thể cán bộ, giáo viên, người lao động, học sinh trong đơn vị trường và nhân dân trên địa bàn xã Sa Long biết và thực hiện.

Tập trung đẩy mạnh công tác chỉ đạo, thực hiện kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và chuyển đổi số. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của người đứng đầu, và cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, phụ trách phần mềm tại các nhà trường trong việc tiếp cận, làm quen với công nghệ mới, các nội dung chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT

Tiếp tục tổ chức các buổi bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, giáo viên các nhà trường đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ, chú trọng đến việc ổn định cán bộ phụ trách CNTT của đơn vị giao cho đồng chí Nguyễn Thị Thanh phó hiệu trưởng và hai đồng chí tin học Lý A Dính, Phạm Thị Hải Yến phụ trách công tác CNTT. Khuyến khích cán bộ, giáo viên của nhà trường trong việc tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc. Chủ động tiếp cận, làm quen với các nội dung chuyển đổi số và ứng dụng nó trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo về công nghệ thông tin để nâng cao trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

6. Hạ tầng công nghệ thông tin

- Mục tiêu 100% các điểm bản trong trường kết nối Internet cáp quang tốc độ cao;

- Rà soát hệ thống máy tính nhà trường để bảo trì, nâng cấp, sửa chữa, thay thế các máy tính đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng, bố trí phân bổ hợp lý số lượng để đảm bảo đáp ứng công tác dạy và học trong các nhà trường. Hiện tại nhà trường có mooth phòng tin với 21 máy trong có có 11 máy đang sử dụng tốt, ccacs máy còn lại đã được phê duyệt kế hoạch sửa chữa trong thời gian đầu năm học.

- Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; phủ sóng mạng Wifi trong nhà trường.

- Nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình phòng học thông minh tại một số trường học đáp ứng được yêu cầu.

- Duy trì, đầu tư bổ sung, tận dụng sử dụng hiệu quả các thiết bị hội nghị trực tuyến: Camera, hệ thống tăng âm, micro và máy tính kết nối Internet, máy chiếu, màn hình để sẵn sàng cho các cuộc họp, hội nghị, tập huấn trực tuyến.

- Nâng cấp hệ điều hành Windows XP, Windows 7 lên Windows 10 và cài đặt MicroSoft Office 2010 trở lên cho các máy tính. Cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền cho các máy tính lưu các dữ liệu quan trọng và có kết nối Internet.

- Chủ động tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn.

7. Ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo, điều hành

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch số 832/KHUBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh, tập trung vào các nội dung:

- Xây dựng thống nhất hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành GDĐT từ Sở GDĐT đến phòng GDĐT và các nhà trường.

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cán bộ giáo viên trong nhà trường, tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và hướng đến là người học; phần mềm quản trị nhà trường phải đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu của Bộ GDĐT và kết nối trao đổi liên thông dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

- Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (có thể in ra từ phần mềm, đáp ứng đúng-đủ nội dung, có xác nhận của người

có thẩm quyền hoặc gắn chữ ký số), thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành GDĐT; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, Email, ứng dụng trên thiết bị di động và Website giáo dục.

- Đẩy mạnh hoạt động trang thông tin điện tử của các đơn vị trường học, thường xuyên đăng tải các hoạt động của nhà trường, là kênh thông tin tuyên truyền tới phụ huynh, học sinh và lan tỏa ra ngoài xã hội.

- Tăng cường, đẩy mạnh việc sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc.

- Rà soát, xây dựng hệ thống dịch vụ công công trực tuyến tại bộ phận một cửa UBND huyện và phòng giáo dục, trong đó tập trung phát triển các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Đẩy mạnh thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt tại tất cả các trường trong huyện.

- Duy trì và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục trong công tác báo cáo thống kê của ngành, giảm thiểu các biểu mẫu, nội dung số liệu báo cáo bằng giấy.

- Toàn ngành triển khai thống nhất hệ thống quản lý văn bản qua mạng Phòng GDĐT đến các nhà trường, thực hiện ký số điện tử văn bản ban hành sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (chữ ký số do Ban Cơ yếu chính phủ cấp); thực hiện 100% các văn bản chuyên môn nội bộ được truyền tải qua mạng Internet (trừ văn bản mật);

- Triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường phổ thông theo định hướng và yêu cầu của Bộ GDĐT tại Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018;

- Tăng cường tổ chức và triển khai các cuộc họp, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn qua mạng, tận dụng tối đa các nền tảng miễn phí dành cho giáo dục như Google Meet, MS Teams...

Khai thác hiệu quả hệ thống Website giáo dục gồm:

- + Công thông tin điện tử của Bộ GDĐT tại địa chỉ <https://moet.gov.vn>
- + Phân hệ về GDĐT trên Hệ tri thức Việt số hóa tại địa chỉ <https://itrithuc.vn>
- + Kho học liệu số của Bộ GDĐT: <https://igiaoduc.vn>
- + Công thông tin điện tử Sở GDĐT tại địa chỉ: <http://dienbien.edu.vn>
- + Công thông tin điện tử phòng GDĐT tại địa chỉ: <http://muongcha.edu.vn>

Tổ chức khai thác có hiệu quả các phần mềm đã được Bộ GDĐT cung cấp dùng chung thông nhất toàn quốc gồm:

- + Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ: <http://pcgd.moet.gov.vn>;
- + Phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non: <http://mamnon.eos.edu.vn>;
- + Phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục <http://csdl.moet.gov.vn>

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo mật, an ninh, an toàn thông tin trong quá trình đăng tải tin bài, tài liệu trên các trang thông tin điện tử, Website các cơ sở giáo dục, quy định về không soạn thảo lưu trữ tài liệu mật trên máy tính có kết nối Internet.

8. Ứng dụng CNTT đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học

- Triển khai đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ GDĐT.

- Tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục kỹ năng quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến, tăng cường hình thức tập huấn trực tuyến, huy động đội ngũ giáo viên nòng cốt tham gia hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp; phối hợp với phụ huynh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến, đặc biệt đối với học sinh tiểu học; đảm bảo tổ chức dạy, học trực tuyến an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng.

- Tận dụng tối đa nền tảng trực tuyến triển khai có hiệu quả các hoạt động như: hướng dẫn học sinh tự học, giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình trong triển khai các hoạt động giáo dục.

- Tăng cường nguồn học liệu số đảm bảo chất lượng hỗ trợ kịp thời cho giáo viên, học sinh, phụ huynh triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến; khuyến khích giáo viên tham gia các cuộc thi như: Thiết kế bài giảng điện tử, Thiết kế thiết bị dạy học số...; huy động giáo viên tham gia đóng góp nguồn học liệu để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng ở nhà trường; hướng dẫn giáo viên tham khảo các nguồn tài nguyên giới thiệu từ Website Bộ GDĐT, chuyên mục “Hỗ trợ dạy học trực tuyến”.

- Xây dựng, triển khai các nền tảng, giải pháp phần mềm quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến theo hướng kết hợp, tích hợp các chức năng của các Hệ thống quản lý học tập trực tuyến, Hệ thống quản lý nội dung học tập với Phần mềm tổ chức dạy học trực tuyến trực tiếp; kết nối trao đổi dữ liệu với phần mềm quản lý trường học theo mã định danh và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, hướng đến việc sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến có sự thống nhất, đồng bộ cao trong mỗi nhà trường, trên mỗi địa bàn, trên nền tảng dùng chung của cả nước.

- Rà soát, phát triển hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài liệu phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài liệu số hóa giữa các cơ sở giáo dục. Sử dụng hiệu quả Thư viện đề kiểm tra cấp tiểu học và trung học (<http://dienbien.edu.vn/thuviendekiemtra/>).

- Thí điểm, khuyến khích triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của mỗi nhà trường.

- Thường xuyên tổ chức, phát động phong trào ứng dụng CNTT thiết thực và hiệu quả góp phần đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá; có hình thức động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có nhiều sáng

kiến, thành tích trong phong trào ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học.

- Đẩy mạnh áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

9. Bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho giáo viên và cán bộ quản lý.

Rà soát, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường, xem xét triển khai tập huấn phù hợp một số nội dung:

- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT; kỹ năng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; kỹ năng khai thác sử dụng các phần mềm do Bộ GDĐT, Sở GDĐT cung cấp và đơn vị tự triển khai;

- Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học trực tuyến gồm: tổ chức và quản lý lớp học trực tuyến, xây dựng học liệu, khai thác các nguồn học liệu, tìm kiếm thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, phần mềm soạn bài giảng e-learning, soạn câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học, khai thác sử dụng các thiết bị công nghệ để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động dạy học trực tuyến.

- Kỹ năng về quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong nhà trường; kỹ năng quản lý, báo cáo và khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của ngành Giáo dục như: các phân hệ báo cáo trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, hệ thống thông tin quản lý thông tin phổ cập giáo dục và chống mù chữ.

- Kỹ năng ứng dụng các phần mềm dạy học trực tuyến và xử lý các tình huống.

- Kỹ năng cài đặt hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng cơ bản; kỹ năng sửa chữa khắc phục hỏng hóc đơn giản của máy tính, thiết bị CNTT phục vụ dạy và học.

- Kỹ năng xử lý sự cố máy tính, hệ thống mạng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu về năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo vị trí việc làm của viên chức theo quy định.

10. Đảm bảo an toàn, an ninh, bảo mật thông tin

Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về an toàn, an ninh bảo mật thông tin dữ liệu, phổ biến quán triệt rộng rãi trong cán bộ, giáo viên kiến thức, kỹ năng, quy định về an toàn dữ liệu, an toàn và an ninh thông tin trong quá trình sử dụng Internet và hoạt động của Website các nhà trường, mạng xã hội... Triển khai các biện pháp kỹ thuật cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn các cuộc tấn công mạng có chủ đích và bảo đảm an toàn cho hệ thống mạng và các hệ thống thông tin.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Về công tác truyền thông

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên, học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên vào ngày 10/10 hàng năm.

2. Về tổ chức, quản lý, triển khai

Rà soát, ban hành đầy đủ các quy chế, quy định về quản lý, duy trì và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT, hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với hệ thống phần mềm triển khai tại đơn vị; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, sử dụng hệ thống; triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn,

an ninh thông tin. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

Ban hành quy chế, quy định về quản lý, duy trì và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT, hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với hệ thống phần mềm triển khai tại đơn vị; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, sử dụng hệ thống; triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

Nhà trường phân công đồng chí Nguyễn Thị Thanh phó hiệu trưởng nhà trường phụ trách và đồng chí Lý A Dính giáo viên CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 năm học 2024-2025 tại đơn vị, trong đó xác định mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể để thực hiện.

Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá về ứng dụng CNTT; về quản lý, sử dụng khai thác hạ tầng mạng, thiết bị CNTT; về khai thác, sử dụng hệ thống các phần mềm; về các nội dung chuyển đổi số...

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT

Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, giáo viên các nhà trường đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ, chú trọng đến việc ổn định cán bộ phụ trách CNTT của đơn vị. Khuyến khích cán bộ, giáo viên các nhà trường trong việc tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng ứng dụng công

nghe thông tin trong công việc. Chủ động tiếp cận, làm quen với các nội dung chuyên đổi số và ứng dụng nó trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo về công nghệ thông tin để nâng cao trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

36/38 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia tập huấn chuyên đổi số và kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử do Học viện trực tuyến Việt Nam tổ chức.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục

- Rà soát hệ thống máy tính tại nhà trường để bảo trì, nâng cấp, sửa chữa, thay thế các máy tính đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng, bố trí phân bổ hợp lý số lượng để đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; phủ sóng mạng Wifi trong trường học.

- Chủ động tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường sử dụng dạy - học trực tuyến.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục. Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về an toàn, an ninh bảo mật thông tin dữ liệu, phổ biến quán triệt rộng rãi trong cán bộ, giáo viên kiến thức, kỹ năng, quy định về an toàn dữ liệu, an toàn và an ninh thông tin trong quá trình sử dụng Internet và hoạt động của Website các nhà trường, mạng xã hội...

4. Về thi đua, khen thưởng

Kịp thời khen thưởng đơn vị, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Xử lý các trường hợp không hoàn thành nội dung nhiệm vụ hoặc vi phạm quy chế hoạt động thuộc lĩnh vực ứng dụng CNTT. Xem xét đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, Đề án 06 thành một trong các tiêu chí đánh giá thi đua cho tổ chức, cá nhân trong năm học.

IV. THÔNG TIN BÁO CÁO

Đơn vị trường học thực hiện nghiêm túc quy định về báo cáo định kỳ như sau:

1. Đầu năm học

Cập nhật dữ liệu trên phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia <http://csdl.moet.gov.vn> và phần mềm phổ cập giáo dục <http://pcgd.moet.gov.vn> của Bộ GDĐT;

Hoàn thành báo cáo tổng hợp theo biểu mẫu tại địa chỉ: <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1hHqzmnKtmpao3dj1ZmVeglSrINI0OPvs/edit?usp=sharing&ouid=111642354902328162652&rtpof=true&sd=true>

Thời gian hoàn thành các nội dung trên: **trước ngày 25/9/2024.**

2. Cuối học kỳ I

Cập nhật, báo cáo dữ liệu trên phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia <http://csdl.moet.gov.vn>

Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT học kỳ I năm học 2024-2025 (nội dung nêu ngắn gọn các kết quả đã thực hiện);

Hoàn thành báo cáo tổng hợp theo biểu mẫu tại địa chỉ: <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1hHqzmnKtmpao3dj1ZmVeglSrINI0OPvs/edit?usp=sharing&ouid=111642354902328162652&rtpof=true&sd=true>

- Thời gian hoàn thành: **trước ngày 05/01/2025.**

3. Cuối năm học

Cập nhật, báo cáo dữ liệu trên phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia: <http://csdl.moet.gov.vn>

Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT năm học

2024-2025 (nội dung nêu ngắn gọn các kết quả đã thực hiện được trong năm học);

Hoàn thành báo cáo tổng hợp theo biểu mẫu tại địa chỉ: <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1hHqzmnKtmpao3dj1ZmVeglSrINI0OPvs/edit?usp=sharing&ouid=111642354902328162652&rtpof=true&sd=true>

Thời gian hoàn thành các nội dung trên: **trước ngày 31/05/2025.**

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. BGH thông báo kế hoạch trên trang thông tin điện tử của nhà trường.
2. Tổ trưởng chuyên môn trực tiếp đôn đốc, nhắc nhở, theo dõi giáo viên thực hiện theo các tiết dạy giáo án điện tử đó đăng kí.

3. Xây dựng xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số và Đề án 06 năm học 2024-2025 và gửi về Phòng GD&ĐT **trước ngày 01/10/2024**

Bộ phận Công nghệ thông tin là đầu mối tham mưu giúp nhà trường triển khai tổ chức thực hiện các nội dung về công nghệ thông tin. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai các nội dung chuyển đổi số toàn ngành theo các đề án, kế hoạch của UBND tỉnh, Sở GDĐT, UBND huyện, phòng GD&ĐT.

Các bộ phận chuyên môn lồng ghép các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học và các nội dung chuyển đổi số trong việc chỉ đạo thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao.

IV. CÁC BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO:

1. Bồi dưỡng nhận thức về CNTT, công nghệ giáo dục cho tập thể CBGV nhà trường để nắm bắt kịp thời các thành tựu của khoa học công nghệ, khoa học giáo dục trong giai đoạn mới. Bồi dưỡng trình độ tin học, áp dụng công nghệ hiện đại, sử dụng thiết bị tiên tiến để đổi mới phương pháp giảng dạy.

*** Chỉ tiêu:**

- 100% GV biết sử dụng thành thạo máy vi tính, nâng trình độ CBGV có chứng chỉ Tin học từ A trở lên 95%.

- 100% GV biết khai thác mạng Internet, sử dụng hòm thư điện tử., khai thác thông tin trên các website;

- 100% GV biết tự soạn giáo án điện tử.

- 100% GV biết khai thác tài nguyên trên mạng Internet và chia sẻ thông tin qua website của nhà trường.

- 100% CBGV biết khai thác thông tin qua Email (CBQL: 2 lần/ngày; GV: 1 lần/ngày);

*** Giải pháp:**

- Tập huấn cho 100% CBGV-NV về CNTT, mở các buổi bồi dưỡng nâng cao kiến thức Tin học cho CBGV nhà trường nhằm nâng cao năng lực khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và dạy học, sử dụng các phần mềm dạy học, cử GV đi học các lớp bồi dưỡng Tin học do ngành tổ chức.

- Nâng cấp đầu tư thêm máy tính, Các giờ dạy có áp dụng CNTT và các đồ dùng dạy học hiện đại.

- Nâng cao một bước trình độ sử dụng CNTT và ứng dụng thành tựu CNTT trong quản lý, giảng dạy và học tập, nhất là trong việc xây dựng thư viện điện tử, đồ dùng dạy học điện tử đối với giáo viên.

2. Ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy và học.

*** Chỉ tiêu:**

- 100% học sinh được tham gia các tiết học có UDCNTT .

- 522 tiết dạy có ứng dụng công nghệ thông tin, có 48 giáo án điện tử có chất lượng của các môn học trong một năm học để nhập vào kho dữ liệu (Thư viện thông tin của nhà trường).

- Đối với các lớp 1,2 đang thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới thì việc UDCNTT được sử dụng hằng ngày hầu hết trong tất cả các tiết học nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục theo quy định.

*** Giải pháp:**

- Đầu năm cho giáo viên đăng ký và hiệu trưởng ra quyết định cho phép giáo viên soạn giáo án bằng máy tính.

- Cho giáo viên chủ động đăng kí ít nhất 2 tiết dạy/ tháng có sử dụng CNTT. Các giáo án được soạn để trình chiếu đều được in và đóng vào quyển giáo án giảng dạy. Đưa việc sử dụng giáo án điện tử là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua như trong quy định chuyên môn.

- Khuyến khích giáo viên xây dựng thư viện học tập, tài nguyên giáo dục để chia sẻ dùng chung như thư viện điện tử, sách giáo khoa điện tử, thư viện đề thi trắc nghiệm...

- Giao cho BCH chi đoàn tổ chức ít nhất 02 lần/năm học về nội dung sinh hoạt tập thể, cuộc thi có sử dụng máy chiếu.

- Khuyến khích giáo viên soạn giảng có ứng dụng CNTT, tạo mọi điều kiện cho học sinh được học tập và tiếp cận với những tiết học có ứng dụng CNTT.

- Ứng dụng CNTT vào xây dựng ngân hàng đề để kiểm định chất lượng giáo dục đạt hiệu quả và có chất lượng cao. Chỉ đạo các tổ có ngân hàng đề phong phú, chất lượng và thường xuyên cập nhật theo từng năm, từng kỳ.

- Hoàn thiện và nâng cao hệ thống CSVC phục vụ ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập.

- Khuyến khích các giáo viên soạn giáo án trên máy vi tính- đảm bảo các yêu cầu và quy định của ngành giáo dục .

3. Sử dụng và khai thác có hiệu quả trang website của nhà trường hệ thống Email của CB-GV, nhằm phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá nhanh chóng, kịp thời, chính xác và hiệu quả.

*** Chỉ tiêu:**

- 100% GV có bộ đề kiểm tra cá nhân có chất lượng và thường xuyên bổ sung cho phù hợp với yêu cầu.

- 100% GV đều có kho dữ liệu về giáo án điện tử riêng đảm bảo số lượng từ 5 đến 10 giáo án/1 học kỳ/ 1 giáo viên.

*** Giải pháp:**

- Phân công giáo viên phụ trách trang Website của trường:

+ Quản trị chung

- Đ/c Lê Xuân Vỹ - Hiệu trưởng.

+ Phụ trách phần đưa tin, bài, tranh, ảnh. - Đ/c Nguyễn Thị Thanh(P HT).

+ Phụ trách kỹ thuật: - Đ/c Lý A Đình – GV tin

+ Phụ trách phần giáo án điện tử. - Các tổ trưởng.

+Phụ trách phần văn bản, công văn - Tổ hành chính

- Các kế hoạch, văn bản chỉ đạo của nhà trường được đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường để giáo viên kịp thời nắm bắt và thực hiện <http://thsalong.pgdmuongcha.edu.vn/>

- Khuyến khích giáo viên đăng tải những giáo án điện tử... lên trang thông tin của trường.

- Khuyến khích tạo địa chỉ e-mail cho giáo viên theo tên miền của trường hoặc theo tên miền riêng của Sở GDĐT.

- Chỉ đạo các tổ xây dựng các đề thi theo đúng qui trình, 100% các đề từ 45 phút trở lên, nộp cho nhà trường bằng USB hoặc gửi qua e - mail để nhập vào kho dữ liệu của nhà trường và ngân hàng đề sau khi đã được duyệt.

- Cập nhật thường xuyên các học liệu trên mạng Internet về giáo dục như: School.net, moet.gov.vn, giaovien.net, mạng Internet của Sở GD & ĐT Điện Biên, chỉnh sửa, kiểm duyệt và bổ sung làm dữ liệu nguồn của nhà trường.

- Khuyến khích giáo viên sử dụng giáo án điện tử, trang thiết bị hiện đại, phần mềm dạy học trong các hội thi và trong các bài giảng hàng ngày.

- Thường xuyên nhận và gửi thông tin về các hoạt động của nhà trường và kết quả học tập của học sinh qua trang Website của nhà trường và Sở GD.

- Thành lập ban chỉ đạo, quản trị mạng theo quy định

4. Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý

Tiếp tục sử dụng và khai thác website và hòm thư điện tử của đơn vị , hoạt động hiệu quả phản ánh được các hoạt động của đơn vị, công bố công khai các thủ tục hành chính, thời khoá biểu, kết quả xếp loại của học sinh, thông tin các kì thi của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số và Đề án 06 năm học 2024 - 2025. Nhà trường yêu cầu toàn thể các đồng

chí quản lí, giáo viên, nhân viên trong nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện.

HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

Lê Xuân Vỹ

Nguyễn Thị Thanh